

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ của Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Gia Lai.

- Phát triển ngành thép của tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; ưu tiên phát triển thép hạ nguồn, thép chế biến sâu, kết cấu thép, cơ khí hỗ trợ, logistics ngành thép; từng bước tiếp cận mô hình thép xanh, phát thải thấp, sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Khai thác có hiệu quả lợi thế của tỉnh về không gian phát triển công nghiệp, cảng biển, logistics, hành lang kết nối Quy Nhơn - Pleiku, cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tiềm năng năng lượng tái tạo, thị trường Tây Nguyên và liên kết vùng để thu hút đầu tư, hình thành hệ sinh thái ngành thép.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khoáng sản, quy hoạch năng lượng và quy định pháp luật có liên quan.

- Phát triển ngành thép có trọng tâm, trọng điểm; không thu hút đầu tư bằng mọi giá; ưu tiên công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, thân thiện môi trường, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn.

- Phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và kết quả đầu ra của từng sở, ngành, địa phương; tăng cường phối hợp liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam; phát triển ngành thép của tỉnh theo hướng gắn với cơ khí, xây dựng, năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics và nhu cầu thị trường

nội vùng, liên vùng.

- Ưu tiên phát triển thép hạ nguồn, thép chế biến sâu, sản phẩm giá trị gia tăng cao, kết cấu thép, nhà thép tiền chế, ống thép, thép hộp, thép hình, cấu kiện thép phục vụ công nghiệp, hạ tầng, năng lượng tái tạo và đô thị.

- Phát triển ngành thép gắn với lợi thế cụ thể của tỉnh tại các khu vực: phường Quy Nhơn Đông, xã Phù Mỹ Đông, phường Hoài Nhơn Đông, Khu kinh tế Nhơn Hội, Cảng Quy Nhơn, Cảng Phù Mỹ, Khu bến Hoài Nhơn, hành lang Quy Nhơn - Pleiku, khu vực Pleiku và cửa khẩu quốc tế Lê Thanh.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành thép tỉnh Gia Lai trở thành ngành công nghiệp nền tảng, góp phần phục vụ nhu cầu xây dựng, cơ khí, hạ tầng, năng lượng và công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh và khu vực; từng bước hình thành hệ sinh thái thép - cơ khí - logistics - năng lượng tái tạo theo hướng xanh, thông minh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn đến năm 2030

- Phấn đấu đến năm 2030, sản xuất thép thành phẩm tăng trưởng bình quân khoảng 12 - 14%/năm, sản lượng đạt khoảng 800.000 - 900.000 tấn.

- Thu hút đầu tư các dự án thép hạ nguồn, chế biến sâu, kết cấu thép...

- Đưa dự án Mở rộng Nhà máy thép Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định đi vào hoạt động.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa cao đạt từ 50%; tỷ lệ dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng trên 70%.

2.2. Giai đoạn đến năm 2035

- Phấn đấu đến năm 2035, sản xuất thép thành phẩm đạt khoảng 1,5 - 2 triệu tấn.

- Hình thành trung tâm phân phối, tiêu thụ thép tại khu vực Pleiku gắn với hành lang Quy Nhơn - Pleiku - Lê Thanh, phục vụ thị trường Tây Nguyên và xuất khẩu qua Campuchia.

- Tiếp tục thu hút đầu tư các dự án thép hạ nguồn, chế biến sâu, kết cấu thép...

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa cao đạt từ 70%; tỷ lệ dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng trên 80%.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phát triển Gia Lai trở thành một trung tâm sản xuất, gia công, phân phối và logistics ngành thép quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên; có khả năng tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng thép trong nước và khu vực theo hướng phát thải thấp, kinh tế tuần hoàn và công nghệ cao.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, quy hoạch, quỹ đất phát triển ngành thép

- Phối hợp với Bộ, ngành trung ương trong rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến sản xuất và thương mại sản phẩm ngành thép; trong đó tập trung vào một số nội dung trọng tâm như: cơ chế ưu đãi đầu tư; chính sách tài chính; khoa học và công nghệ; quy định về tỷ lệ sử dụng thép sản xuất trong nước đối với các dự án hạ tầng chiến lược được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Rà soát, cập nhật các định hướng phát triển ngành thép vào quá trình tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan.

- Tăng cường áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm thép nhập khẩu nhằm bảo vệ sản xuất trong nước; chủ động theo dõi, cảnh báo sớm các vụ việc phòng vệ thương mại từ thị trường quốc tế liên quan đến sản phẩm thép, góp phần hạn chế rủi ro trong hoạt động xuất khẩu.

- Rà soát quỹ đất tại Khu kinh tế Nhơn Hội, khu vực Phù Mỹ Đông, Hoài Nhơn Đông, Pleiku và các khu, cụm công nghiệp phù hợp để bố trí các dự án thép hạ nguồn, công nghiệp hỗ trợ, logistics ngành thép.

2. Thu hút đầu tư có chọn lọc

- Ưu tiên thu hút phát triển thép hạ nguồn, thép chế biến sâu, sản phẩm giá trị gia tăng cao, kết cấu thép, nhà thép tiền chế, ống thép, thép hộp, thép hình, cấu kiện thép phục vụ công nghiệp, hạ tầng, năng lượng tái tạo và đô thị.

- Ưu tiên các nhà đầu tư có năng lực, công nghệ hiện đại, cam kết sử dụng năng lượng tiết kiệm, kiểm soát phát thải tốt, có phương án xử lý môi trường đồng bộ và có khả năng liên kết chuỗi giá trị với doanh nghiệp trên địa bàn.

3. Phát triển hạ tầng phục vụ ngành thép

- Rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông kết nối khu, cụm công nghiệp với Cảng Quy Nhơn, Cảng Phù Mỹ, Khu bến Hoài Nhơn, khu vực Phù Mỹ Đông, Hoài Nhơn Đông, hành lang Quy Nhơn - Pleiku và cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

- Tăng cường năng lực cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải công nghiệp tại các địa bàn dự kiến thu hút dự án thép.

- Tiếp tục phát huy công suất của 85 nhà máy điện các loại đang vận hành, với tổng công suất lắp đặt 4.179 MW để đáp ứng điện nội tỉnh (chỉ chiếm khoảng 33%) và cả nước. Đồng thời, triển khai Quy hoạch điện VIII, điều chỉnh Quy hoạch điện VIII thu hút đầu tư khoảng 110 dự án năng lượng với tổng công suất lắp đặt khoảng 5.500 MW, tổng vốn đầu tư khoảng 200 nghìn tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026-2030; trong đó có các khu vực phục vụ phát triển ngành thép như Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức (50 MW), Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh (60 MW), Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 1 (100 MW), Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 2 (100 MW), Nhà máy điện mặt trời Bình An 1 (90 MW), Nhà máy điện gió Hòn Trâu - Giai đoạn 1 (750 MW), Nhà máy điện gió Nhơn Hội mở rộng (40 MW), Nhà máy điện gió Vân Canh 1 và Vân Canh 2 (160 MW và 180 MW), Nhà máy điện gió Vân Canh

Bình Định (143 MW),... và triển khai giai đoạn 2031-2035 với công suất nguồn khoảng 2.069 MW.

4. Phát triển công nghệ, chuyển đổi xanh, sử dụng năng lượng hiệu quả

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng, phát thải carbon thấp; thực hiện đổi mới thiết bị, hiện đại hóa dây chuyền, tự động hóa và chuyển đổi số trong quản trị sản xuất.

- Hỗ trợ doanh nghiệp từng bước đáp ứng yêu cầu kiểm kê khí nhà kính, tiêu chuẩn môi trường và các cơ chế điều chỉnh carbon của thị trường quốc tế.

- Tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và các dẫn xuất hydro (H₂), amoniac (NH₃) trong sản xuất thép, đóng góp vào việc giảm phát thải khí nhà kính (Net Zero đến 2050).

5. Phát triển nguồn nguyên liệu và công nghiệp hỗ trợ

- Khai thác, sử dụng tài nguyên quặng sắt theo quy hoạch, có lộ trình, gắn với chế biến sâu và bảo vệ môi trường, không xuất khẩu khoáng sản thô đối với O₂ mỏ quặng sắt theo quy hoạch quốc gia giai đoạn 2031-2050, tạo dư địa phát triển dài hạn gắn với chế biến sâu.

- Thúc đẩy các dự án cơ khí hỗ trợ, khuôn mẫu, phụ tùng, vật tư, dịch vụ sửa chữa, bảo trì, gia công và các ngành công nghiệp liên quan.

6. Phát triển thị trường, liên kết vùng và xúc tiến thương mại

- Tăng cường kết nối cung - cầu giữa doanh nghiệp thép với doanh nghiệp cơ khí, xây dựng, hạ tầng, năng lượng, chế biến chế tạo và công nghiệp phụ trợ trong tỉnh và khu vực.

- Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sang Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và Campuchia thông qua hành lang Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, kết nối với các tập đoàn, hiệp hội, tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực thép, cơ khí, logistics, năng lượng tái tạo.

- Rà soát, định hướng phát triển hệ thống phân phối sản phẩm thép trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả; khuyến khích hình thành các trung tâm phân phối, kho bãi, đại lý kinh doanh thép phù hợp với quy hoạch và nhu cầu thị trường.

7. Phát triển nguồn nhân lực

Rà soát nhu cầu lao động kỹ thuật của ngành thép, cơ khí, điện công nghiệp, tự động hóa, môi trường công nghiệp... liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học để đào tạo, đào tạo lại, đào tạo theo đơn đặt hàng cho doanh nghiệp ngành thép và công nghiệp hỗ trợ khi có nhu cầu.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Hàng năm, trên cơ sở Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự

toán chi tiết để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch do các sở, ban, ngành, địa phương lập; Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động từ các nguồn khác (*vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác*).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, 5 năm hoặc đột xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về những đề xuất, kiến nghị, các vấn đề phát sinh, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn theo thẩm quyền.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng tiến độ, nội dung đã được phân công tại Kế hoạch và Phụ lục kèm theo. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PT-TH tỉnh;
- CVP, PVPXD;
- Lưu: VT, X1, X3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Quế

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Stt	Tên dự án	Địa điểm
1	Nhà máy thép cán nguội, mạ kẽm, thép thanh, thép hình, thép hợp kim, thép chế tạo... sử dụng năng lượng tái tạo	Khu, cụm công nghiệp phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư
2	Nhà máy thép xanh sử dụng công nghệ DRI/EAF	Khu công nghiệp gắn kết hợp năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) (hoặc sản xuất năng lượng sinh khối (biomass, biogas) dẫn xuất hydrogen (H ₂), amoniac (NH ₃))
3	Dự án Nhà máy sản xuất (bao gồm ngành sản xuất thép) có công đoạn tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh tại chỗ nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải ra môi trường.	Khu, cụm công nghiệp
4	Dự án Nhà máy tái chế chất thải, tái sử dụng chất thải để phục vụ cộng sinh công nghiệp trong khu, cụm công nghiệp sinh thái	Khu, cụm công nghiệp sinh thái

PHỤ LỤC 1**DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH THÉP VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI***(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)*

Stt	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Thẩm quyền
1	Phối hợp với Bộ, ngành trung ương trong rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến sản xuất và thương mại các sản phẩm ngành thép	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành thép	Các Sở, ban, ngành, UBND các phường, xã và tổ chức liên quan	Thường xuyên	Văn bản tham gia ý kiến	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được giao nhiệm vụ
2	Rà soát quỹ đất tại Khu kinh tế Nhơn Hội, khu vực Phù Mỹ Đông, Hoài Nhơn Đông, Pleiku và các khu, cụm công nghiệp phù hợp để bố trí các dự án thép hạ nguồn, công nghiệp hỗ trợ, logistics ngành thép	Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Xây dựng, UBND địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương	Kỳ quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch	Quy hoạch chung xây dựng của xã, phường; Quy hoạch xây dựng các Khu, cụm công nghiệp	Cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch
3	Rà soát danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư ngành thép	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế	Hàng năm	Danh mục dự án	Sở Tài chính
4	Xúc tiến đầu tư đối với các dự án phát triển ngành thép, thép hạ nguồn, kết cấu thép...	Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Công Thương	Hàng năm	Hoạt động	Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế
5	Tham mưu UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án phát triển ngành thép	Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế	Các Sở, ngành, địa phương	Thường xuyên	Quyết định	UBND tỉnh/ Ban Quản lý Khu kinh tế
6	Rà soát, đề xuất xử lý các dự án ngành thép triển khai chậm tiến độ hoặc không triển khai theo quy định	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, UBND các địa phương	Thường xuyên	Văn bản	UBND tỉnh
7	Hỗ trợ, đôn đốc triển khai đầu tư dự án Mở rộng Nhà máy thép Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định theo quy định	Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND phường Quy Nhơn Đông	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Theo tiến độ dự án	Văn bản	Ban Quản lý Khu kinh tế
8	Rà soát, đề xuất đầu tư hạ tầng giao thông, logistics kết nối Cảng Quy Nhơn - Nhơn Hội - Phù Mỹ Đông - Hoài Nhơn Đông - Pleiku - Lệ Thanh phục vụ phát triển kinh tế xã hội nói chung và ngành thép nói riêng	Sở Xây dựng	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND địa phương	2026-2030	Quyết định	UBND tỉnh

Stt	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Thẩm quyền
9	Triển khai chương trình khoa học và công nghệ quốc gia trên địa bàn tỉnh nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu về công nghệ sản xuất, lưu trữ, phân phối và sử dụng thép	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Sở Tài chính	2026–2030	Văn bản	UBND tỉnh
10	Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cho ngành thép, cơ khí, tự động hóa theo nhu cầu của doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Công Thương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp	2026–2030	Kế hoạch	Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, địa phương	Hằng năm	Báo cáo	Sở Công Thương